

Bản án số: 640/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2025
V/v “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Tiên Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thuận

Bà Trần Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 05 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số D đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Phi H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số D đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Kim A trình bày:

Bà Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 144 quyền số 01/99 ngày 09/11/1999 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau về nhiều mặt, cả hai không có tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần tìm cách hòa giải, tự hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng vẫn không có kết quả, mâu

thuần phát sinh ngày càng nhiều, đến tháng 7 năm 2023 cả hai quyết định sống ly thân cho đến nay. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Kim A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Kim A được ly hôn với ông Hoàng Phi H.

Về con chung: Bà Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H trong quá trình chung sống có 02 (hai) con chung, tên Hoàng Võ Thu H, sinh ngày 29/4/2001 (đã trưởng thành) và Hoàng Võ Bảo N, sinh ngày 22/5/2010. Bà Kim A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ Hoàng Võ Bảo N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 10/4/2025, trẻ Hoàng Võ Bảo N trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Hoàng Phi H và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông. Tuy nhiên, ông H đều vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan cho Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà, bà Kim A giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim A yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Hoàng Phi H, do đó đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, quận G, xác định bị đơn ông Hoàng Phi H hiện đang thực tế cư trú tại địa chỉ số D N, Khu phố A, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy

định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Hoàng Phi H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Phi H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Hoàng Phi H không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với các yêu cầu khởi kiện nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn bà Võ Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 144 quyền số 01/99 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/1999 xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H phát sinh mâu thuẫn và thực tế đã ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2023 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Kim A được ly hôn với ông H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

- Về con chung:

Căn cứ bản sao giấy khai sinh số: 57, quyền số 01/2001 ngày 17/5/2001 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, của Hoàng Võ Thu H, sinh ngày 29/4/2001.

Căn cứ trích lục khai sinh số: 230/TLKS-BS ngày 07/3/2016 do Ủy ban nhân dân Phường A3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, của Hoàng Võ Bảo N, sinh ngày 22/5/2010.

Căn cứ hai tài liệu trên, xác định Hoàng Võ Thu H và Hoàng Võ Bảo N là con chung của bà Võ Thị Kim A và ông Hoàng Phi H.

Bà Võ Thị Kim A cũng xác định có 02 (hai) con chung tên Hoàng Võ Thu H, sinh ngày 29/4/2001 (hiện đã trưởng thành) và Hoàng Võ Bảo N, sinh ngày 22/5/2010. Theo đơn khởi kiện, bà Võ Thị Kim A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Võ Bảo N. Ngoài ra, tại bản tự khai ngày 10/4/2025 trẻ Hoàng Võ Bảo N có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của bà Kim A là chính đáng, trẻ N có nguyện vọng được sống chung cùng mẹ và cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu

của bà Võ Thị Kim A, giao con chung là trẻ Hoàng Võ Bảo N, sinh ngày 22/5/2010 cho bà Võ Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng cho con: Bà Võ Thị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông Hoàng Phi H không có mặt tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bà Võ Thị Kim A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim A.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim A được ly hôn với ông Hoàng Phi H. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 144 quyển số 01/99 ngày 09/11/1999 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh không còn hiệu lực pháp luật).

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Kim A, giao 01 (một) con chung tên Hoàng Võ Bảo N, sinh ngày 22/5/2010 cho bà Võ Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Hoàng Phi H có quyền và nghĩa vụ nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Hoàng Phi H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của trẻ Hoàng Võ Bảo N được sống chung với bà Võ Thị Kim A.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Kim A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Võ Thị Kim A phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0057244 ngày 05/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Võ Thị Kim A đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên Toà hoặc không có mặt khi Tòa tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND Phường 17, Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Tiến Thịnh